

Số: 50/2024/QĐST - DS

Chơn Thành, ngày 06 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự tự thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 201/2023/TLST-DS ngày 12/12/2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lại Văn T, sinh năm 1979; bà Trần Thị T1, sinh năm 1981; Cùng trú tại: Khu phố B, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương

Bị đơn:

- Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1982; bà Trần Thị T3, sinh năm 1983; Cùng trú tại: Khu phố P, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước (*Bà T3 đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của ông T2 theo Hợp đồng uỷ quyền số công chứng 010414, quyền số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/12/2023*)

- Bà Nguyễn Mỹ N, sinh năm 1961; Trú tại: Khu phố B, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1984; Trú tại: Khu phố E, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước

- Ông Trần Đăng K, sinh năm 1979; Trú tại: Khu phố Đồng Xổ, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về nghĩa vụ trả tiền:* Bà Đoàn Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Lại Văn T, bà Trần Thị T1 những số tiền sau:

2.1.1. Bà Đoàn Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Lại Văn T, bà Trần Thị T1 số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) trong thời hạn 10

(mười) tháng tính từ ngày 01/8/2024, trả theo hình thức trả 05 (năm) lần, cụ thể: 02 (hai) tháng bà H có nghĩa vụ trả tiền cho ông T, bà T1 một lần, số tiền trả mỗi lần ít nhất là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), hạn cuối bà H1 phải trả đủ số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) nêu trên cho ông T, bà T1 là ngày 01/06/2025.

2.1.2. Bà Đoàn Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Lại Văn T, bà Trần Thị T1 số tiền lãi trên số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng), mức lãi 10%/năm, tạm tính từ ngày 31/3/2023 đến ngày 29/7/2024 là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), trả trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 01/06/2025 đến ngày 31/12/2025, hạn cuối trả đầy đủ tiền lãi là ngày 31/12/2025. Bà H tiếp tục trả lãi cho ông T, bà T1 số tiền lãi trên số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) từ ngày 30/7/2024 cho đến khi bà H trả hết nợ cho ông T, bà T1, mức lãi 10%/năm.

Trường hợp, bà H vi phạm nghĩa vụ trả tiền một trong các lần như thoả thuận tại mục 2.1.1 của quyết định này thì ông T, bà T1 có quyền yêu cầu bà H trả một lần toàn bộ số tiền dư nợ còn lại (bao gồm cả gốc và lãi ghi tại mục 2.1.1 và mục 2.1.2 của quyết định này).

2.2: Trường hợp, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền cho ông T, bà T1 như nêu trên (trả số tiền 2.500.000.000 đồng trong thời hạn 10 tháng) thì bà Nguyễn Mỹ N có nghĩa vụ giao trả cho ông T, bà T1 thửa đất số 105, tờ bản đồ số 71, diện tích 451,9 m², tọa lạc tại khu phố B, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 812026, số vào sổ cấp GCN số CS 20356, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho ông Lại Văn T, bà Trần Thị T1 ngày 13/4/2023 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

2.3: Trường hợp, bà H thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) cho ông T, bà T1 trong thời hạn nêu trên (10 tháng) thì ông T, bà T1 có nghĩa vụ ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 71, diện tích 451,9 m², tọa lạc tại khu phố B, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 812026, số vào sổ cấp GCN số CS 20356, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho ông Lại Văn T, bà Trần Thị T1 ngày 13/4/2023 cho bà N theo quy định của pháp luật.

2.4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Mỹ N phải chịu án phí trên số tiền bà H trả cho ông T, bà T1 là 45.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà N là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên bà N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông T, bà T1 số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0012596, ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- CCTHADS thị xã Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán

Trần Quốc Mạnh